

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn toàn quốc đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn toàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực, bảo đảm tỉnh Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững; đồng thời góp phần thực hiện thành công Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu đạt tổng tỷ suất sinh của tỉnh là 2,1 con/phụ nữ;
- Trên 95% các cặp vợ chồng nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp đầy đủ thông tin về hôn nhân và sinh con nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế;
- 100% xã, phường triển khai hoạt động truyền thông về bảo đảm mức sinh thay thế;
- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận lợi với dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng ngừa vô sinh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới, trọng tâm là chuyển hướng từ “kế hoạch hóa gia đình” sang “dân số và phát triển”. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền về vai trò của việc duy trì mức sinh thay thế đối với phát triển kinh tế - xã hội bền vững và bảo đảm nguồn nhân lực lâu dài.

b) Đưa mục tiêu điều chỉnh mức sinh vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của địa phương; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị.

c) Phân công rõ trách nhiệm cho từng ngành, địa phương; tăng cường phối hợp liên ngành trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh giải pháp phù hợp với từng địa bàn, nhất là các khu vực có mức sinh thấp.

d) Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chính sách dân số; gắn kết quả thực hiện các chỉ tiêu về mức sinh với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới; trọng tâm là Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về các giải pháp đột phá nâng cao sức khỏe nhân dân; Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 42/KH-UBND ngày 06/02/2026 về việc thực hiện chỉ tiêu y tế Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, số 51/KH-UBND ngày 11/02/2026 về thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026 - 2030, số 105/KH-UBND ngày 27/3/2026 về triển khai thực hiện Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 20/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân số. Nội dung tuyên truyền tập trung nâng cao nhận thức, thúc đẩy chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc giải quyết toàn diện các vấn đề về dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số); đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm mức sinh thay thế. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt, góp phần bảo đảm phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Xây dựng và triển khai các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, nhóm đối tượng; chú trọng vận động, khuyến khích kết hôn và sinh con đúng độ tuổi, sinh đủ hai con để bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh

- Đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích của việc kết hôn và sinh con đúng thời điểm (*không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con*) đối với phát triển kinh tế - xã hội và hạnh phúc gia đình; đồng thời, tăng cường truyền thông về những hệ lụy của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm hoặc sinh con quá dày đối với sức khỏe, kinh tế và chất lượng dân số;

- Khuyến khích người dân chủ động chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn; tích cực tiếp cận các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; dự phòng, phát hiện sớm và điều trị vô sinh. Ưu tiên truyền thông, vận động đối với thanh niên, công nhân, người lao động và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

c) Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, bảo đảm phong phú, sinh động, dễ tiếp cận và có tính thuyết phục cao

- Nâng cao hiệu quả truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, internet, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông đa phương tiện. Có biện pháp kịp thời nhằm phát hiện, giám sát, ngăn chặn và xử lý các thông tin sai lệch liên quan đến chính sách dân số trên không gian mạng; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc xác minh, gỡ bỏ, cải chính thông tin không chính xác và chủ động cung cấp thông tin chính thống để định hướng dư luận;

- Lòng ghép nội dung dân số vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, sinh hoạt cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Phát huy vai trò của người có uy tín, người đứng đầu cộng đồng, chức sắc tôn giáo, trưởng thôn, trưởng dòng họ, cũng như các cá nhân có ảnh hưởng trong xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động;

- Tăng cường truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình và cộng đồng thông qua đội ngũ công tác viên dân số, tuyên truyền viên và nhân viên y tế thôn; chú trọng các địa bàn có mức sinh thấp.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục về dân số và sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường, phù hợp với từng cấp học và độ tuổi

- Bảo đảm cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục;

- Lòng ghép giáo dục giá trị về hôn nhân, gia đình, trách nhiệm sinh con và nuôi dạy con vào chương trình học nhằm định hướng nhận thức đúng đắn cho thế hệ trẻ;

- Tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ giảng viên, giáo viên và nhân viên y tế học đường về nội dung dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình; nâng cao năng lực giảng dạy và truyền thông trong trường học.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định không phù hợp với mục tiêu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành

- Nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chính sách dân số, nhất là trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc trên cơ sở các quy định của cơ quan, đơn vị và địa phương đề ra;

- Lòng ghép tiêu chí thực hiện chính sách dân số, mức sinh thay thế vào đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hằng năm.

b) Căn cứ tình hình thực tiễn, tổ chức thí điểm và triển khai các chính sách, mô hình hỗ trợ khuyến khích phù hợp

- Hỗ trợ cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho người dân có nhu cầu, ưu tiên hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách nhằm bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ công bằng, chất lượng;

- Xây dựng và triển khai các mô hình truyền thông, can thiệp nhằm khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, không lựa chọn giới tính khi sinh; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc;

- Triển khai mô hình vận động nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn; phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi; bảo đảm khoảng cách giữa các lần sinh hợp lý;

- Phát triển các mô hình tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, bao gồm: Khám sức khỏe trước hôn nhân; sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; tầm soát, dự phòng và điều trị vô sinh; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em;

- Đưa mục tiêu duy trì mức sinh thay thế (*đặc biệt các quy định mang tính hạn chế sinh*) vào hương ước, quy ước tại các cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định của Luật Dân số 2025.

c) Nghiên cứu, bổ sung các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, đặc biệt khuyến khích phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi

- Đánh giá tác động của các chính sách về lao động, việc làm, thu nhập, nhà ở, giáo dục, y tế, an sinh xã hội... đến quyết định sinh con của người dân, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ thiết thực như: Giảm chi phí nuôi con, hỗ trợ tiếp cận nhà ở, nâng cao phúc lợi xã hội, tạo điều kiện cân bằng giữa công việc và gia đình;

- Lồng ghép mục tiêu duy trì mức sinh thay thế vào các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Thí điểm và từng bước mở rộng các biện pháp hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh đủ hai con trên cơ sở sơ kết, đánh giá các biện pháp hỗ trợ, ban hành các chính sách hỗ trợ phù hợp

- Hỗ trợ tư vấn hôn nhân và gia đình: Phát triển các mô hình câu lạc bộ, dịch vụ kết nối, tư vấn hôn nhân; hỗ trợ nam, nữ thanh niên tìm hiểu, kết bạn, tiến tới hôn nhân; khuyến khích kết hôn đúng độ tuổi, không kết hôn muộn và sinh con sớm, hợp lý;

- Xây dựng môi trường thân thiện với gia đình có con nhỏ: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ như nhà trẻ, nhóm trẻ, dịch vụ trông giữ trẻ, đưa đón trẻ; khuyến khích mô hình “ngân hàng sữa mẹ”, “bác sĩ gia đình”, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; tạo môi trường làm việc thân thiện với lao động nuôi con nhỏ;

- Hỗ trợ phụ nữ mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ: Tạo điều kiện để phụ nữ mang thai và sau sinh được tiếp cận đầy đủ dịch vụ y tế, hỗ trợ quay trở lại làm việc; nghiên cứu miễn, giảm một số khoản đóng góp theo hộ gia đình; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp thực hiện chính sách thân thiện với lao động nữ thông qua các biện pháp cụ thể, đặc biệt là cơ chế ưu đãi về thuế và phí (như ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn, giảm phí, lệ phí), gắn với việc triển khai các chính sách hỗ trợ người lao động nuôi con nhỏ như: Hỗ trợ chi phí chăm sóc trẻ em, xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo tại nơi làm việc.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số.

b) Xây dựng, triển khai các mô hình dự phòng vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản; đồng thời quy định rõ cơ chế phối hợp giữa Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo trong bảo mật thông tin cá nhân và xây dựng nội dung, phương pháp truyền thông, giáo dục phù hợp với tâm sinh lý từng nhóm tuổi.

c) Đối với địa bàn vùng xa trung tâm, vùng khó khăn, vùng ven biển: Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dân số.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại bảo đảm đội ngũ cán bộ làm công tác dân số tại cơ sở thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc sinh con; tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới hộ gia đình. Tập huấn cho toàn bộ cộng tác viên, tuyên truyền viên về kiến thức, kỹ năng mới đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm nội dung điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế;

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế trong toàn tỉnh vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị;

- Đưa nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực dân số, nhân khẩu học thông qua hệ thống đào tạo trong nước.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống thông tin quản lý

- Hằng năm tổ chức nghiên cứu Đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội và đưa ra những giải pháp, can thiệp nhằm bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn tỉnh;

- Củng cố, hoàn thiện hệ thống chỉ báo, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh. Thường xuyên cung cấp, thông tin về động thái dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kiện toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao kiến thức cho cán bộ dân số, nhân viên y tế thôn kiêm cộng tác viên dân số về việc cập nhật thông tin dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường năng lực giám sát, đánh giá, phân tích và dự báo dân số.

c) Phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế

- Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố về quy mô dân số và mức sinh, giải pháp duy trì mức sinh thay thế đặc biệt tại các tỉnh, thành đã có những thành tựu trong công tác này;

- Tiếp thu và triển khai các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực dân số do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ;

- Huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, cá nhân và các tổ chức phi chính phủ, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp vào công tác dân số và sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình;

- Tăng cường phối hợp các ngành, đoàn thể trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Trẻ em các cấp về công tác dân số.

d) Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch: Hằng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; tổ chức các Đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các sở, ngành, đơn vị và địa phương trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch. Nội dung kiểm tra tập trung vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo; việc ban hành văn bản triển khai; bố trí nguồn lực; tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về mức sinh và các chỉ tiêu dân số liên quan;

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện: Thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát thường xuyên; thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu về mức sinh, biến động dân số và các yếu tố liên quan. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch gắn với đánh giá phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân tồn tại và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp;

- Chế độ báo cáo: Các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; bảo đảm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định;

- Sơ kết, tổng kết và nhân rộng mô hình hiệu quả: Tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối giai đoạn thực hiện Kế hoạch; đánh giá toàn diện kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; lựa chọn, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong tuyên truyền, vận động, cung cấp dịch vụ và triển khai chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện mục tiêu bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường trách nhiệm giải trình và phối hợp liên ngành: Gắn kết quá trình thực hiện các chỉ tiêu về mức sinh với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành trong kiểm tra, giám sát; bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả trong triển khai Kế hoạch.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Trẻ em tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan;

- Chủ trì, tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số; đa dạng hóa nội dung, đổi mới hình thức truyền thông, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về bảo đảm mức sinh thay thế và kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh;

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức, triển khai các chương trình, dự án... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản: Tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; phát hiện sớm, can thiệp và điều trị các bệnh, tật bẩm sinh; dự phòng và điều trị vô sinh, hiếm muộn tại các cơ sở y tế đủ điều kiện theo quy định;

- Chủ trì tiếp nhận, quản lý và triển khai các chương trình, dự án, đề án về dân số do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ; bảo đảm sử dụng hiệu quả, đúng quy định;

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện công tác dân số phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế; tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan chủ động đưa nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe tình dục, tình dục an toàn, sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; giới tính và mất cân bằng giới tính khi sinh và bình đẳng giới...vào chương trình giảng dạy chính khóa, ngoại khóa phù hợp với các cấp học.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác dân số các cấp, đáp ứng nhân lực để thực hiện nhiệm vụ dân số và phát triển;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng ưu tiên, đặc biệt khu công nghiệp, khu kinh tế để khuyến khích việc kết hôn, sinh con.

5. Sở Tư pháp

Tham gia thẩm định, góp ý về mặt pháp lý đối với các đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách mới liên quan đến công tác dân số, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền cho các cán bộ và nhân dân về các quy định liên quan đến quyền trẻ em, bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức của người dân về dân số và bảo vệ trẻ, đặc biệt Luật Dân số 2025 khi có hiệu lực.

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu và tổ chức các chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực gia đình; xây dựng, hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố;

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu triển khai:

+ Các hoạt động cụ thể, phổ biến tuyên truyền vận động các gia đình sinh đủ 2 con gắn với đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên. Tổ chức các hoạt động biểu dương các gia đình sinh đủ 2 con nuôi dạy con tốt.

+ Chính sách khuyến khích kết hôn trong khoảng sau 20 tuổi và trước 30 tuổi; xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ; các dịch vụ thân thiện với người lao động.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành, địa phương làm tốt công tác thông tin, truyền thông nhằm tạo đồng thuận cao trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân không kết hôn muộn sau 30 tuổi; không sinh con trước tuổi kết hôn quy định; mỗi cặp vợ chồng, cá nhân sinh đủ 2 con;

- Đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch trên các ấn phẩm báo in, báo điện tử, hệ thống phát thanh, truyền hình và nền tảng số của Báo và phát thanh, truyền hình Hưng Yên.

8. Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp số liệu về dân số, trong đó chú trọng về mức sinh, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chính sách, chương trình dân số nói riêng trên địa bàn tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia triển khai, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân cùng tham gia thực hiện Kế hoạch; tham gia xây dựng chính sách, chương trình, đề án và giám sát việc thực hiện các hoạt động dân số.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của thành viên Ban Chỉ đạo Công tác Dân số và Trẻ em các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số tại địa phương;

- Đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2026 - 2030; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với điều kiện của địa phương;

- Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành các chính sách về hỗ trợ, khuyến khích kết hôn, sinh con; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp;

- Chỉ đạo Trạm Y tế cấp xã là đơn vị đầu mối tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản; quản lý, khai thác dữ liệu dân số; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Chuyên viên KGVX: Thanh;
- Lưu: VT, KGVX^{KH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm